

TIẾP TỤC GIẰNG CO

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Ngân hàng năm 2025

Tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam tăng 7,09% và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong năm 2025.

NHNN dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2025 khoảng 16%. Đồng thời, NHNN tiếp tục triển khai lộ trình hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc điều hành phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng TCTD theo Nghị quyết 62/2022 ngày 16.6.2022 của Quốc hội

Các gói tín dụng ưu đãi đã giải ngân vượt dự kiến: NHNN dự kiến tăng số dư cũng như ưu đãi về lãi suất về thời hạn các gói tín dụng để góp phần hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tăng trưởng nền kinh tế

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index tăng nhẹ 0,06 điểm trong phiên 07/01 kết phiên ở mức 1.246,95 điểm. Thanh khoản giảm 0,9% so với phiên giao dịch ngày 06/01. Khối ngoại quay lại bán ròng hơn 92 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng tiếp tục giằng co và điều chỉnh trong vùng 1.240-1.260 điểm trong phiên giao dịch ngày 08/01/2025. VN-Index có phiên giao dịch trong biên độ hẹp với thanh khoản đi ngang, ngành Bất động sản bị bán tháo khiến tâm lý NĐT vẫn có phần bi quan. Thị trường hiện tại vẫn đang thiếu vắng thông tin trước mùa BCTC Q4/2024, và chờ đợi những tín hiệu mới từ tình hình vĩ mô. Về mặt kỹ thuật, thị trường khả năng sẽ tiếp tục giằng co điều chỉnh, kỳ vọng sẽ có phản ứng phòng vệ và lực cầu tham gia mạnh tại vùng 1.240 điểm. Cấu trúc trung hạn vẫn ở mức tích cực.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



Table with 7 columns: Chỉ báo, RSI 14, MFI, MA10, MA20, MA50, MA100. Rows include Giá trị and Hành động.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

ACB

Khuyến nghị: Mua

TP: 28.000 VND | UPSIDE: +12%

Chiến lược hành động

MUA: NĐT tiếp tục quan sát thị trường, các vị thế mua mới nên chờ tín hiệu trở lại của lực cầu đi kèm giá đóng cửa trên kháng cự.

BÁN: NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, hạ tỷ trọng danh mục khi VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1.250 điểm.

Tổng quan thị trường

Table with 3 columns: Thị trường, Giá trị, %Δ. Rows include VN-Index, HNX-Index, and UPCoM with various market indicators.

Diễn biến TTCK Mỹ: S&P 500 giảm 1,11% và đóng cửa ở mức 5.909,03. Dow Jones mất 178,20 điểm, tương đương 0,42% và đóng cửa ở mức 42.528,36. Nasdaq giảm 1,89% xuống 19.489,68. Các chỉ số index tăng vào đầu ngày trước khi đảo chiều.

Thế giới: Tập đoàn thép Nippon Steel Corp. của Nhật Bản ngày 6/1 đã nhắc lại quyết tâm kiên quyết định của Tổng thống Joe Biden vào cuối tuần trước trong việc ngăn chặn việc tập đoàn này mua lại US Steel của Mỹ với giá 14,9 tỷ USD, khi Nippon Steel vẫn cam kết thúc đẩy hoạt động tại nền kinh tế lớn nhất thế giới. Nippon Steel, nhà sản xuất thép lớn thứ tư thế giới về sản lượng, đang chuẩn bị đệ đơn kiện quyết định của ông Biden. Trong một tuyên bố vào ngày 6/1, Chủ tịch Nippon Steel, Tadashi Imai, cho biết tập đoàn sẽ thực hiện mọi biện pháp có thể, do sẽ không bao giờ từ bỏ việc mở rộng hoạt động tại Mỹ. Tổng thống Mỹ cho biết việc Nippon Steel thôn tóm United States Steel sẽ gây rủi ro cho an ninh quốc gia và chuỗi cung ứng quan trọng của Mỹ.

Việt Nam: Theo báo cáo kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê (GSO), năm 2024 Việt Nam chi 380,7 tỷ USD để nhập khẩu hàng hóa, mức cao nhất giai đoạn 2013 - 2024. So với năm 2023, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam tăng 16,7%. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 140,11 tỷ USD, tăng 19,5% so với năm trước (YoY); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 240,65 tỷ USD, tăng 15,1% YoY. Về cơ cấu, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 356,43 tỷ USD, chiếm 93,6% tỷ trọng, bao gồm nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng (chiếm 47,4%) và nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu (chiếm 46,2%). Ngoài ra, nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng nhập khẩu của Việt Nam năm 2024 đạt 24,33 tỷ USD, chiếm 6,4% tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu. Năm 2024, Việt Nam có 46 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên một tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93,1% tổng kim ngạch nhập khẩu, bao gồm 6 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD (chiếm 54% tỷ trọng).

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do giảm xuống mức 25.370.

Thép: Ngày 7/1, thị trường thép trong nước giữ nguyên giá bán; quặng sắt giảm xuống mức thấp nhất trong hơn một tháng do sản lượng kim loại của Trung Quốc yếu hơn. Sản lượng tại các nhà sản xuất thép lò cao của Trung Quốc tiếp tục giảm đều đặn, do tình trạng ngừng hoạt động bảo dưỡng ngày càng tăng khi Tết Nguyên đán đang đến gần, Mysteel cho biết thêm. Trong khi đó, nguồn cung quặng sắt toàn cầu gần đây đã ở mức cao, do các chuyển hàng từ các mỏ của Úc, công ty tư vấn Trung Quốc Hexun Futures cho biết.

HDB: Chia sẻ tại Hội nghị nhà đầu tư HDBank 2024 mới đây, ông Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính HDBank cho biết, Ngân hàng tin tưởng sẽ vượt các chỉ tiêu lợi nhuận 15.852 tỷ cổ đông giao và dự kiến đạt tới trên 16.000 tỷ đồng. Về kế hoạch kinh doanh năm tới, Giám đốc Tài chính HDBank cho biết ngân hàng dự kiến lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 20.000 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2024. Đồng thời ngân hàng sẽ tiếp nối truyền thống trả cổ tức cao và đều đặn như kế hoạch ĐHCĐ đã thông qua. Trước đó, ngân hàng này đã ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong 9 tháng đầu năm với lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 12.655 tỷ đồng, tăng 47% và thực hiện 79,8% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Nếu đạt được kết quả như kỳ vọng, HDBank sẽ xác lập mức kỷ lục mới về quy mô lợi nhuận và nằm trong Top 5 ngân hàng tư nhân lãi lớn nhất năm 2024.

STB: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank) mới đây cũng đã công bố kết quả kinh doanh sơ bộ quý 4 và cả năm 2024. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế của Sacombank trong quý 4/2024 ước đạt hơn 4.600 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ và cả năm 2024 ước đạt trên 12.700 tỷ đồng, mức cao nhất từ trước đến nay và vượt chỉ tiêu ĐHCĐ giao. Các chỉ tiêu sinh lời ROA ước đạt 1,46%, ROE ước đạt 20,23%, đều cao hơn cùng kỳ năm trước. Tại thời điểm ngày 31/12/2024, tổng tài sản Sacombank ước đạt trên 29 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2023. Huy động vốn và dư nợ tín dụng ước đạt lần lượt 649 nghìn tỷ đồng và 542 nghìn tỷ đồng, đều tăng 12% so với cùng kỳ.

Chứng khoán thế giới

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	5.909,03	-1,11	0,69
DJIA	42.528,36	-0,42	0,32
Nasdaq	19.489,68	-1,89	1,08
Shanghai	3.229,64	0,71	-1,01
Hang Seng	19.447,58	-1,22	-0,90

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.648,29	0,61	-0,37
Dầu WTI	74,42	1,55	1,77
Dầu Brent	77,14	-0,36	1,64
Than	119,75	-3,04	-4,39
Đồng	4,0786	-1,69	2,21
Quặng sắt	99,44	0,00	-4,02
Thép	435,67	-1,75	-2,59

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	108,68	0,48	-0,56
USD/JPY	158,03	0,50	0,35
USD/CNY	7,3405	0,15	0,00
EUR/USD	1,0342	-0,52	0,76
GBP/USD	1,2477	-0,31	0,79

Top đột phá khối lượng (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
SSI	459,84	24,55	-1,41
NAB	238,77	16,90	6,96
DIG	221,73	18,10	-3,47
BID	417,43	40,40	4,12
PDR	198,39	18,85	-3,83

Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
FPT	519,87	150,10	0,54
SSI	459,84	24,55	-1,41
BID	417,43	40,40	4,12
MSN	386,35	66,80	-0,60
HPG	377,59	26,05	0,00

ACB
(HOSE)

Khuyến nghị	Mua
Giá hiện tại (07/01/2025)	25.000
Giá mục tiêu	28.000
Tiềm năng tăng trưởng	12%–14%
Vùng mua	24.600–25.000
Ngưỡng cắt lỗ	<23.600

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 9T2024, tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 25,0 nghìn tỷ đồng (+2,4% svck). NII đạt 20,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,0% nhờ tăng trưởng tín dụng 13,8% YTD, cao hơn nhiều so với mức trung bình ngành 7,8%. Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 12,2 nghìn tỷ đồng(+1,7% svck).

Tăng trưởng tín dụng ổn định nhờ vào nhu cầu phục hồi và định hướng chiến lược: ACB duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng cao hơn mức trung bình ngành, với mức tăng 19,1% trong năm 2024, vượt xa trung bình ngành từ năm 2016. Ngân hàng tập trung vào các lĩnh vực rủi ro thấp, với hơn 90% danh mục cho vay là khách hàng bán lẻ, và thực hiện chiến lược phân tán rủi ro hiệu quả, tạo sự khác biệt so với các ngân hàng khác trong ngành.

NIM kỳ vọng được cải thiện trong thời gian tới nhờ: (1) Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp (tính đến Q3.2024 ghi nhận ở mức 20,7%, thấp hơn tương đối so với mức trần quy định), do đó ngân hàng có nhiều dư địa để gia tăng nguồn huy động vốn ngắn hạn, giúp giảm bớt áp lực lên chi phí vốn; (2) Áp lực cạnh tranh về lãi suất cho vay giữa các ngân hàng được giảm bớt.

Cơ cấu thu nhập ngày càng bền vững khi thu nhập từ phí được dự báo tăng trưởng 8–10%, nhờ sự phục hồi của bancassurance và các dịch vụ thẻ. Thu nhập lãi thuần dự kiến tăng 12%, góp phần thúc đẩy tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động, trong khi tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập (CIR) được kiểm soát ổn định ở mức 33–34%.

Chất lượng tài sản ổn định với tỷ lệ nợ xấu thấp (1,39% tính đến cuối năm 2024), thấp hơn so với ngành. ACB cải thiện tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 80,5% và kiểm soát rủi ro tín dụng hiệu quả nhờ 98% khoản vay có tài sản thế chấp, 88% là BDS nhà ở. Chi phí tín dụng duy trì ở mức thấp (0,28% vào năm 2024). Chất lượng tài sản dự kiến tiếp tục cải thiện, giúp tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,4% trong 2025.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

ACB đang tích cực lấy lại các mốc MA ngắn và dài hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI đang tích lũy hướng về vùng mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường và dòng tiền để có điểm mua phù hợp.



Thông tin doanh nghiệp

Phân ngành ICB L2	Ngân hàng
Biến động giá 1Y	20.960–26.500
KLGBQ 10D (CP)	6.495.670
Vốn hóa (tỷ đồng)	110.773,12
BVPS	17.654
P/E (lần)	6,82
P/B (lần)	1,42
EPS (VND)	3.940,31
SL CPLH (triệu CP)	4.466,66
Tỷ lệ free–float (%)	90,00
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	30,00
ROA (%)	2,17
ROE (%)	21,71

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Đi ngang
Xu hướng tuần	-	Đi ngang
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI 14	45,95	Quan sát
MFI	51,64	Mua
MA10	25,32	Quan sát
MA20	25,22	Quan sát
MA50	25,07	Quan sát
MA100	25,10	Quan sát

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
-----	-------------	--------	----------	----------	---------	--------------	------------	----------	---------	-------

Danh mục theo dõi

1	VPB	Theo dõi	18,8–19,2			22.200	18.000			
2	SAB	Theo dõi	55–55,5			64.000	52.600			
3	CMG	Theo dõi	47–48,5			58.500	45.500			
4	PLX	Theo dõi	37,5–38,2			44.700	36.000			

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	HPG	Nắm giữ	25,6–26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			0,2%
2	KBC	Nắm giữ	27,1–27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			2,0%
3	PAN	Nắm giữ	22,2–22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400			3,3%
4	VGC	Nắm giữ	43,0–44,0	24/12/2024	44.000	54.000	41.500			8,9%
5	BCM	Nắm giữ	67,5–69,5	27/12/2024	68.800	82.300	64.900			5,5%
6	HAG	Nắm giữ	11,8–12,4	30/12/2024	11.800	16.900	11.600			-1,3%
7	CTR	Nắm giữ	122–125,5	30/12/2024	122.000	145.000	117.700			6,6%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	BFC	Chốt lời	38-38,8	16/12/2024	38.000	45.500	36.500	25/12/24	41.650	9,6%
2	HAX	Chốt lời	15,9-16,3	18/12/2024	16.350	18.200	15.400	25/12/24	17.750	8,6%
3	DDV	Chốt lời	19,0-19,8	23/12/2024	19.900	23.000	18.400	25/12/24	21.000	5,5%
4	PVT	Chốt lời	27,2-27,6	20/12/2024	27.600	32.300	26.000	26/12/24	28.300	2,5%
5	TNG	Chốt lời	24,7-25,0	02/12/2024	24.900	28.500	23.700	27/12/24	26.300	5,6%
6	DHC	Chốt lời	35,0-35,6	23/12/2024	36.000	40.000	33.500	30/12/24	38.350	6,5%
7	MSN	Cắt lỗ	70,4-71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400	31/12/24	70.800	-0,7%
8	PDR	Chốt lời	20,6-21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800	31/12/24	20.950	5,3%
9	CTG	Chốt lời	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900	31/12/24	38.700	15,2%
10	VNM	Cắt lỗ	63,3-64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500	31/12/24	63.800	-0,9%
11	VHC	Chốt lời	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400	03/01/25	71.900	2,0%
12	CTD	Chốt lời	64,8-66,0	03/12/2024	65.500	75.000	62.100	03/01/25	69.900	6,7%
13	PNJ	Chốt lời	92,8-93,5	04/12/2024	93.500	108.000	88.600	03/01/25	97.900	4,7%
14	REE	Chốt lời	65,0-66,3	17/12/2024	66.000	73.000	62.300	03/01/25	67.300	2,0%
15	MWG	Cắt lỗ	60,0-61,0	25/12/2024	61.300	80.000	57.500	03/01/25	60.700	-1,0%
16	MSB	Chốt lời	11,2-11,5	25/12/2024	11.300	13.000	10.850	03/01/25	11.550	2,2%
17	DGC	Chốt lời	106-108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000	06/01/25	116.000	7,5%
18	DBC	Chốt lời	26,6-27,0	17/12/2024	26.800	30.500	25.500	06/01/25	27.950	3,5%
19	IDC	Chốt lời	55,6-56,5	18/12/2024	56.200	64.500	53.100	06/01/25	55.400	-1,6%

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.